

Thứ tư, ngày 2 tháng 10 năm 2019

Vietnam Daily Review

Giảm điểm trước lo ngại suy thoái

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 03/10/2019		•	
Tuần 30/9-4/10/2019		•	
Tháng 10/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên sáng, VN-Index chủ yếu vận động dưới mốc tham chiếu khi áp lực bán gia tăng khiến cho các mã bluechips trụ cột như GAS, VNM, VRE mất điểm. Đến phiên chiều, khi các mã VIC, VCB, GAS nới rộng biên độ giảm, thị trường chìm trong sắc đỏ và đóng cửa ở ngưỡng 991.19 điểm. Trong bối cảnh hầu hết các TTCK chủ chốt trong khu vực đều giảm điểm, thị trường có phiên giao dịch kém tích cực. Thông tin chỉ số PMI sản xuất tại Mỹ giảm xuống 47.8 điểm trong tháng 9, thấp nhất kể từ tháng 6/2009 làm dấy lên những lo ngại về sự giảm tốc của nền kinh tế toàn cầu là yếu tố chính tác động tiêu cực lên tâm lý thị trường. Thêm vào đó, những nhịp rung lắc xuất hiện trong khu vực giá 990 -1,000 điểm cũng khiến cho nhà đầu tư trở nên thận trọng hơn.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 910 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 02/10/2019, chứng quyền giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ. MWG đang tích lũy tại vùng giá 125-127 sau khi tạo đỉnh tại ngưỡng 129. Thanh khoản giữ tại mức vừa phải và các chỉ báo động lượng cho thấy tín hiệu giảm ngắn hạn. Điều chỉnh giảm của MWG có thể tạo áp lực giảm lên giá chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán_0.3%. 1/15 danh mục **Chủ đề** đều có hiệu suất trong ngày khả quan, tuy nhiên, trong đó có tới 11/15 danh mục **Chủ đề** có hiệu suất tốt hơn **VNINDEX(-0.8%)**. Đặc biệt, danh mục **Bảo hiểm & Chứng khoán** - kỳ vọng hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ đối với nhóm ngành dịch vụ tài chính - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.3%**.

Phân tích kỹ thuật: HDG_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PC1, KDH, CVT, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **-8.40 điểm**, đóng cửa 991.19. HNX-Index **-0.58 điểm**, đóng cửa 105.27.
- Kéo chỉ số tăng: **SAB (+0.56); BID (+0.20); VPB (+0.18); PNJ (+0.07); VCI (+0.05)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-1.86); VCB (-1.52); GAS (-1.50); MSN (-0.61); VNM (-0.51)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,573 tỷ đồng**, **+14.3%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 3.52 điểm. Thị trường có 95 mã tăng, 51 mã tham chiếu và 220 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **345.74 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm PDR (89.04 tỷ), VNM (61.50 tỷ) và VIC (41.99 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **5.50 tỷ đồng**.

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX 991.19Giá trị: 3573.29 tỷ **-8.4 (-0.84%)**

Khối ngoại (ròng): -345.74 tỷ

HNX-INDEX 105.27Giá trị: 279.34 tỷ **-0.58 (-0.55%)**

Khối ngoại (ròng): -5.5 tỷ

UPCOM-INDEX 56.85Giá trị: 237.55 tỷ **0.01 (0.02%)**

Khối ngoại (ròng): -2.26 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	53.7	0.19%
Giá vàng	1,482	0.17%
Tỷ giá USD/VND	23,203	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,610	1.28%
Tỷ giá JPY/VND	21,551	0.08%
LS liên NH 1 tháng	3.1%	7.52%
LS TPCP 5 năm	3.1%	0.49%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SSI	23.4	PDR	89.0
DXG	18.3	VNM	61.5
ROS	13.0	VIC	42.0
HDB	9.6	HPG	34.4
BID	5.5	VRE	32.1

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* 1/15 danh mục Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày khả quan, tuy nhiên, trong đó có tới **11/15 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**(-0.8%). Đặc biệt, danh mục Bảo hiểm & Chứng khoán - kỳ vọng hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ đối với nhóm ngành dịch vụ tài chính - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.3%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **13/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **khả quan**
- **5/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán_0.3%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.3%	3.9%	4.3%	-3.8%	-9.7%	-17.5%	46.0%
Ngân hàng	-0.1%	3.2%	6.7%	13.7%	8.4%	1.5%	82.4%
Hàng tiêu dùng	-0.2%	-1.3%	1.2%	6.4%	8.8%	4.0%	61.1%
Lãi suất giảm	-0.3%	0.8%	1.8%	-1.3%	-1.5%	-0.2%	51.2%
BDS & Khu công nghiệp	-0.3%	0.4%	0.1%	3.6%	0.4%	-0.1%	62.8%
Vật liệu Xây dựng	-0.4%	1.6%	1.7%	2.3%	0.7%	-3.2%	0.2%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.4%	0.6%	3.9%	10.5%	8.9%	2.1%	78.6%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.5%	1.1%	-1.6%	-5.5%	-1.0%	10.0%	46.0%
Chiến tranh thương mại	-0.5%	0.3%	-3.4%	-6.6%	-5.0%	-2.2%	3.7%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.5%	2.6%	3.4%	0.2%	-5.3%	-11.2%	-7.9%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.5%	1.8%	4.1%	7.2%	6.8%	3.4%	70.5%
Xây dựng	-0.9%	-0.2%	4.4%	0.6%	-8.6%	-10.8%	25.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-1.0%	-0.5%	0.1%	0.1%	-2.4%	-0.3%	74.5%
Dầu khí	-1.3%	-1.3%	-2.3%	-4.0%	-5.5%	-17.1%	8.6%
Nước & Năng lượng	-1.4%	0.3%	0.3%	-3.5%	-0.3%	4.5%	57.2%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 9	-0.2%	-0.2%	1.5%	7.7%	7.7%	2.7%	54.0%
Danh mục 3	-0.3%	-1.0%	0.9%	1.5%	-2.9%	-10.2%	25.6%
Danh mục 4	-0.5%	2.3%	4.0%	5.4%	4.7%	-8.4%	24.8%
Danh mục 6	-1.4%	0.6%	0.9%	8.8%	12.2%	10.4%	90.9%
Danh mục 10	-1.6%	-0.5%	1.8%	10.0%	9.5%	1.8%	65.7%

* Note **13/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **khả quan**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 22	-0.8%	0.4%	5.7%	15.7%	14.6%	6.6%	77.8%
Danh mục 23	-0.8%	0.1%	-1.6%	1.7%	-0.9%	3.9%	105.1%
Danh mục 21	-1.1%	-0.1%	3.2%	7.4%	6.7%	-3.8%	41.0%
Danh mục 24	-1.5%	1.0%	3.3%	9.4%	10.0%	3.4%	66.2%
Danh mục 25	-2.0%	-0.5%	-2.7%	5.1%	7.3%	25.8%	172.7%

* Note **5/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **khả quan**

INDEX							
VNINDEX	-0.8%	0.4%	0.7%	1.9%	0.2%	-2.7%	44.5%
VN30INDEX	-0.7%	0.8%	3.0%	5.8%	1.7%	-7.1%	37.6%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

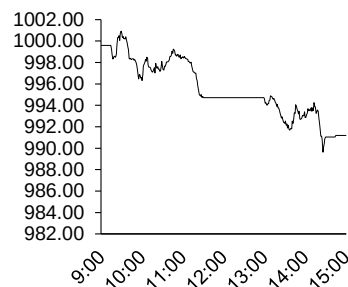
BSC RESEARCH

10/2/2019

Vietnam Daily Review

Hình 1

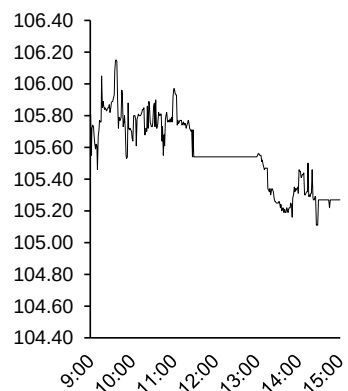
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	1.2%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.5%
Viễn thông	0.0%
Dịch vụ tài chính	0.0%
Truyền thông	-0.1%
Tài nguyên Cơ bản	-0.3%
Xây dựng và Vật liệu	-0.4%
Thực phẩm và đồ uống	-0.5%
Du lịch và Giải trí	-0.5%
Ngân hàng	-0.7%
Y tế	-0.7%
Bảo hiểm	-0.9%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.9%
Dầu khí	-0.9%
Bất động sản	-1.0%
Hóa chất	-1.3%
Bán lẻ	-1.6%
Công nghệ Thông tin	-1.9%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-2.0%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

HDG_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, chạm kênh Bollinger trên.

Nhận định: Cổ phiếu HDG đã hình thành xu hướng hồi phục sau khi tích lũy ngắn hạn quanh ngưỡng giá 34. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, cho thấy động lực tăng giá đang hình thành. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đã cho thấy xu hướng tăng giá tích cực. Đường giá cổ phiếu cũng đã cắt lên dải mây ichimoku cho thấy nhịp tăng giá trong trung hạn đã hình thành. Như vậy, HDG nhiều khả năng sẽ tăng vượt ngưỡng kháng cự cũ tại ngưỡng giá 38 và tiến tới kiểm tra vùng giá 42 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

Năm 2019, HDG đặt kế hoạch doanh thu ở mức gần 4.200 tỷ đồng (+10%yoy), lợi nhuận sau thuế ở mức 765 tỷ (+5% yoy). Với tiến độ hạch toán các dự án BĐS cùng tiềm năng tăng trưởng tốt từ mảng năng lượng và xây lắp, chúng tôi tin rằng HDG có thể hoàn thành kế hoạch về doanh thu và vượt lợi nhuận đề ra.

Catalyst

Quý đất sạch lớn đảm bảo doanh thu mảng BĐS tăng trưởng ổn định trong giai đoạn 2019-2022. Mảng năng lượng hiệu quả cao nhờ công suất tăng trưởng và giá bán tốt.

Cập nhật KQKD

Kết quả kinh doanh 2018: doanh thu hợp nhất đạt 3.200 tỷ đồng (+40%), lợi nhuận sau thuế đạt mức 751 tỷ đồng (+175%yoy) tương ứng với mức EPS khoảng 7,910 đồng/cổ phiếu. Doanh thu năm 2018 của HDG tăng mạnh chủ yếu đến từ tăng trưởng doanh thu BĐS (+61% yoy) đến từ việc hạch toán 2 block của dự án Centrosa.

Doanh thu mảng năng lượng chỉ tăng trưởng 12% chủ yếu do nhà máy Nhạn Hạc mới đi vào hoạt động từ quý 3/2018, tuy nhiên biên lợi nhuận gộp của mảng thủy điện vẫn ở mức rất tốt, trên 70% trong năm 2018. Chúng tôi kì vọng năm 2019, khi nhà máy Nhạn Hạc hoạt động đầy đủ và nhà máy điện Hồng Phong 4 đi vào hoạt động từ giữa năm 2019, tăng trưởng mảng năng lượng của HDG sẽ đạt trên 30% trong năm 2019 với tổng công suất dự kiến tăng 40% so với mức hiện tại.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: HDG 2019Q2

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PC1_Hồi phục mạnh

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

CVT_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 02/10/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 02/10	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	53.91	-0.52%	-6.63%	-1.39%	-28.39%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	58.92	-0.18%	-5.97%	0.44%	-30.52%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.58	-1.63%	-4.51%	5.58%	-25.73%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1481.26	0.48%	-3.30%	-3.21%	23.16%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.22	1.38%	-7.33%	-6.68%	17.60%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	915.98	0.94%	2.43%	6.83%	5.77%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	492.00	-0.76%	2.13%	14.86%	-5.25%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.29	0.05%	0.16%	3.86%	13.53%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	154.80	-1.09%	-6.30%	-3.25%	-2.58%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.89	8.14%	12.09%	15.19%	6.79%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.15	0.00%	1.94%	-6.25%	-10.26%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	101.35	0.20%	2.22%	9.75%	-5.85%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.56	-0.41%	-1.17%	2.01%	-8.44%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3653.00	-0.52%	-1.03%	0.22%	-21.03%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1721.50	-0.78%	-3.56%	-1.57%	-18.72%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	93.00	1.64%	1.09%	4.49%	33.81%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	69.62	-2.87%	0.94%	4.22%	-39.30%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, giá dầu Brent kỳ hạn tháng 12/2019 giảm 36 cent còn 58.89 USD/thùng, trong khi dầu thô Trung Tây Texas kỳ hạn tháng 11/2019 giảm 45 cent còn 53.62 USD/thùng.
- Giá dầu kỳ hạn giảm do dữ liệu kinh tế Mỹ yếu gây giảm triển vọng tiêu thụ dầu và công ty dầu khí Saudi Aramco thông báo đã khôi phục hoàn toàn sản lượng và công suất lọc dầu bằng mức trước khi bị tấn công ngày 14/9.
- Tuy nhiên, đà giảm giá dầu bị hạn chế do báo cáo về sản xuất dầu của các nước sản xuất dầu lớn trên thế giới giảm trong quý 3. Sản lượng dầu thô trong tháng 9 của OPEC giảm còn 28.9 triệu thùng/ngày, giảm 750,000 thùng/ngày so với số liệu đưa ra trong tháng 8 và chạm mức thấp nhất hàng tháng kể từ năm 2011. Sản lượng của Nga đã giảm xuống còn 11.24 triệu thùng/ngày trong tháng 9 so với mức 11.29 triệu thùng/ngày trong tháng 8, tuy nhiên vẫn vượt quá mức hạn ngạch theo thỏa thuận giữa Nga và OPEC.

Giá vàng

- Chốt phiên, giá vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.8% lên mức 1,483.11 USD/ounce, sau khi chạm mức thấp nhất kể từ 6/8 là 1,458.50 USD/ounce vào phiên sáng. Giá vàng kỳ hạn tháng 12/2019 trên sàn New York tăng 1.1% đạt mức 1.89 USD/ounce.
- Chốt phiên giá vàng đã tăng 1% sau khi chạm mức thấp nhất 2 tháng vào phiên sáng trong bối cảnh đồng bạc xanh mất giá, chứng khoán sụt giảm sau khi các số liệu về sản xuất của Mỹ yếu trong tháng 9 khiến giới đầu tư tin rằng FED có thể cắt giảm lãi suất thêm một lần nữa trong năm nay.

Giá đồng

- Giá đồng trên Sàn giao dịch kim loại London chốt phiên giảm 0.7% còn 5,686 USD/tấn sau khi đã chạm mức thấp nhất 1 tháng vào đầu phiên giao dịch là 5,588 USD/tấn.
- Giá đồng chạm mức thấp trong 1 tháng do lo ngại về nhu cầu tiêu thụ tại Trung Quốc và đồng bạc xanh mạnh thúc đẩy hoạt động bán ra. Tiêu thụ đồng tại Trung Quốc, chiếm gần một nửa nhu cầu đồng toàn cầu, dự kiến đạt 24 triệu tấn trong năm nay.

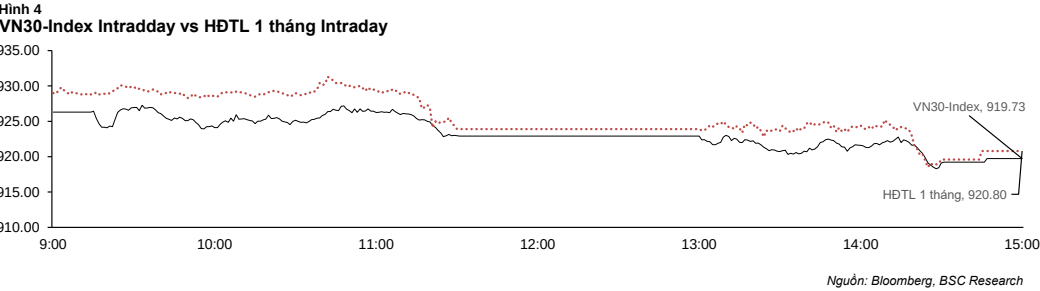
Giá nông sản

- Giá đậu tương tại Chicago đã tăng 1.4% lên 9.19-1/2 USD/bushel và đạt mức giá cao nhất kể từ 22/7. Trong khi giá ngô kỳ hạn cũng tăng 0.8% đạt 3.92-1/2 USD/bushel và đạt mức cao nhất kể từ tháng 12/8. Các công ty Trung Quốc đã mua tới 600,000 tấn đậu tương Mỹ trong ngày 30/9, đây là một phần của hạn ngạch miễn thuế được giao cho các nhà nhập khẩu mua tới 2 triệu tấn trong năm nay. Các thương nhân Mỹ hy vọng Trung Quốc còn mua nhiều đậu tương của Mỹ nữa trong thời gian dài tới.
- Giá đường thô tại sàn ICE đã tăng lên mức cao nhất hơn 7 tháng do các quỹ tích cực mua vào. Giá đường thô tháng 3/2020 tăng 0.23 cent, tương đương 1.8%, lên 12.88 cent/lb sau khi đạt đỉnh 12.90 cent/lb vào phiên giao dịch đầu tuần, mức cao nhất kể từ 28/2. Trong khi đó, giá đường trắng tháng 12 giảm 30 cent, hay 0.09%, còn 344.00 USD/tấn sau khi đạt đỉnh 347.20 USD, mức cao nhất kể từ đầu tháng 3.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn TOCOM giảm 1.8 JPY xuống 158.7 JPY (1.46 USD)/kg. Đồng thời, giá cao su kỳ hạn tháng 11/2019 trên sàn SICOM giảm 1.2% xuống 126.9 US cent/kg. Giá cao su tại Tokyo giảm do lo ngại dư cung và nhu cầu tại nước mua hàng đầu – Trung Quốc – suy giảm.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1910	920.80	-0.99%	1.07	4.8%	100075	10/17/2019	17
VN30F1911	919.50	-0.83%	-0.23	84.8%	279	11/21/2019	52
VN30F1912	918.10	-0.96%	-1.63	-82.6%	34	12/19/2019	80
VN30F2003	920.00	-0.97%	0.27	145.0%	98	3/19/2020	171

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm 6.58 điểm xuống mức 919.73 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như MSN, VIC, FPT, MWG, và VNM tác động mạnh đến xu hướng giảm của VN30. VN30 giằng co trong phiên sáng quanh vùng 924-927 điểm, giảm mạnh trong phiên chiều xuống dưới ngưỡng 920 điểm. Tuy vậy, thanh khoản tăng tích cực trong phiên hôm nay. Về mặt kỹ thuật, các chỉ báo đều cho thấy dư địa tăng vẫn còn trong trung hạn. VN30 có thể điều chỉnh giảm trong những phiên tới trước khi tiếp cận ngưỡng 930 điểm.
- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F1910 và VN30F2003 đều tăng, trong khi VN30F1911 và VN30F1912 đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F1911, các hợp đồng khác đều tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong trung hạn và kỳ vọng tăng trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 910 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết
CHPG1902	KIS	12/11/2019	70	5:1	312,220	7.0%	1.0 triệu	28.42%	1,000	170	0.00%	-
CMWG1902	VND	12/11/2019	70	4:1	81,580	-60.3%	5.0 triệu	20.07%	2,990	9,960	-0.40%	9,579.00
CVHM1901	KIS	2/7/2020	128	4:1	21,040	-10.3%	1.5 triệu	n/a	3,100	4,030	-0.49%	n/a
CFPT1904	MBS	11/19/2019	48	3:1	64,250	-56.2%	2.0 triệu	19.97%	1,700	2,940	-1.01%	1,889.10
CMBB1902	HSC	12/17/2019	76	1:1	162,850	1.1%	1.0 triệu	18.64%	3,200	4,050	-1.22%	1,664.60
CNVL1901	KIS	2/7/2020	128	4:1	8,980	-50.8%	2.5 triệu	n/a	1,900	2,940	-1.34%	n/a
CSTB1901	KIS	1/9/2020	99	1:1	53,910	21.7%	3.0 triệu	n/a	1,390	1,480	-2.63%	n/a
CMWG1903	HSC	12/30/2019	89	5:1	151,140	98.2%	1.8 triệu	20.07%	2,700	7,000	-3.31%	6,709.50
CFPT1903	SSI	12/30/2019	89	1:1	26,030	-23.0%	1.0 triệu	19.97%	6,000	14,510	-3.33%	12,594.10
CMWG1904	SSI	12/30/2019	89	1:1	14,260	-57.7%	2.0 triệu	20.07%	14,000	39,870	-4.04%	38,536.70
CHPG1906	KIS	11/14/2019	43	2:1	24,420	348.1%	2.0 triệu	28.42%	1,500	450	-6.25%	2.10
CDPM1901	KIS	1/9/2020	99	1:1	21,350	271.3%	5.0 triệu	n/a	1,900	1,850	-6.57%	n/a
CHPG1905	SSI	12/30/2019	89	1:1	78,100	326.8%	1.0 triệu	28.42%	3,300	2,340	-7.14%	798.80
CVIC1901	KIS	11/14/2019	43	5:1	6,440	-86.5%	5.0 triệu	20.87%	1,960	1,210	-8.33%	5.10
CVNM1901	KIS	12/13/2019	72	10:1	760,050	18.9%	1.5 triệu	18.87%	1,200	640	-9.86%	1.70
CVRE1901	KIS	11/14/2019	43	2:1	68,430	-23.2%	5.0 triệu	26.72%	1,900	750	-10.71%	2.30
CREE1901	MBS	11/19/2019	48	3:1	191,530	35.8%	3.0 triệu	22.99%	1,260	1,450	-14.71%	551.30
CMSN1901	KIS	11/14/2019	43	5:1	121,890	69.5%	2.0 triệu	22.91%	1,920	500	-60.63%	20.70

Chú thích: *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 02/10/2019, chứng quyền giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ.
- Về giá, CMSN1901 và CREE1901 giảm mạnh nhất lần lượt là 60.63%, và 14.71%. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ 5.61%. CVNM1901 tiếp tục có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 35% thị trường.
- Các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. CMWG1904, CFPT1902, và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. MWG đang tích lũy tại vùng giá 125-127 sau khi tạo đỉnh tại ngưỡng 129. Thanh khoản giữ tại mức vừa phải và các chỉ báo động lượng cho thấy tín hiệu giảm ngắn hạn. Điều chỉnh giảm của MWG có thể tạo áp lực giảm lên giá chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	22.60	1.12	0.60
SAB	264.90	1.11	0.29
PNJ	80.60	1.38	0.27
SSI	23.40	1.08	0.11
BID	40.20	0.50	0.05

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	77.0	-2.28	-1.17
VIC	118.0	-1.58	-1.12
FPT	57.2	-2.22	-0.98
MWG	125.2	-1.80	-0.92
VNM	127.0	-0.78	-0.71

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG1902	166,285	41,999	21,750
CMWG1902	48,130	90,000	125,200
CVHM1901	102,288	89,888	89,000
CFPT1904	57,100	52,000	57,200
CMBB1902	26,300	21,800	23,000
CNVL1901	69,688	62,088	63,500
CSTB1901	12,278	10,888	10,400
CMWG1903	25,800	95,000	125,200
CFPT1903	56,154	45,140	57,200
CMWG1904	165,000	90,000	125,200
CHPG1906	31,088	28,088	21,750
CDPM1901	15,888	13,988	13,300
CHPG1905	93,300	23,100	21,750
CVIC1901	150,688	140,888	118,000
CVNM1901	46,340	156,285	127,000
CVRE1901	44,688	40,888	32,000
CREE1901	41,330	37,550	38,050
CMSN1901	98,488	88,888	77,000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	125.2	-1.8%	0.7	2,410	3.8	7,893	15.9	5.3	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	80.6	1.4%	1.0	780	1.6	4,727	17.1	4.4	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	74.8	-1.2%	1.3	2,279	0.5	1,505	49.7	3.4	25.3%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	34.0	0.6%	0.7	342	0.3	3,061	11.1	1.2	52.5%	10.7%
VIC	Bất động sản	118.0	-1.6%	1.1	17,166	2.8	1,643	71.8	4.8	15.2%	8.3%
VRE	Bất động sản	32.0	-2.1%	1.1	3,240	4.8	1,033	31.0	2.6	31.9%	8.8%
NVL	Bất động sản	63.5	-0.2%	0.8	2,569	1.3	3,579	17.7	2.9	7.4%	17.8%
REE	Bất động sản	38.1	-2.9%	1.0	513	1.8	5,261	7.2	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	17.4	-0.6%	1.4	399	2.1	3,744	4.6	1.1	46.5%	27.0%
SSI	Chứng khoán	23.4	1.1%	1.3	517	3.8	1,997	11.7	1.3	57.0%	10.9%
VCI	Chứng khoán	36.0	2.9%	1.0	257	0.2	5,067	7.1	1.6	38.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	24.5	-1.2%	1.4	325	1.1	1,434	17.0	1.8	56.3%	11.1%
FPT	Công nghệ	57.2	-2.2%	0.8	1,687	6.1	4,349	13.2	2.9	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	46.0	0.0%	0.4	497	0.0	4,156	11.1	2.8	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	103.5	-2.5%	1.5	8,613	2.0	6,066	17.1	4.4	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	60.1	-0.8%	1.5	3,112	0.8	3,350	17.9	3.5	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	19.2	-0.5%	1.7	399	1.2	2,397	8.0	0.7	22.9%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.4	-1.1%	0.8	1,267	0.5	1,163	8.1	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	93.0	-1.1%	0.5	529	0.0	4,616	20.1	4.0	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.3	-1.8%	0.7	226	0.3	853	15.6	0.7	19.1%	5.0%
DCM	Hóa chất	7.4	-0.9%	0.6	170	0.2	897	8.2	0.6	2.5%	7.3%
VCB	Ngân hàng	82.0	-1.7%	1.3	13,223	4.4	4,729	17.3	4.0	23.8%	25.6%
BID	Ngân hàng	40.2	0.5%	1.5	5,975	2.6	2,091	19.2	2.5	3.3%	13.7%
CTG	Ngân hàng	21.0	-1.4%	1.6	3,400	2.1	1,470	14.3	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	22.6	1.1%	1.2	2,414	6.6	2,989	7.6	1.5	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	23.0	-0.2%	1.1	2,282	5.6	3,215	7.2	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	23.6	-0.4%	1.1	1,664	2.2	4,469	5.3	1.2	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	51.5	-0.4%	0.9	183	0.3	5,017	10.3	1.7	77.9%	17.1%
NTP	Nhựa	38.2	-0.8%	0.3	148	0.0	4,490	8.5	1.4	21.1%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.2	-3.6%	1.2	633	0.1	732	22.1	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	21.8	-0.7%	1.0	2,611	4.1	2,760	7.9	1.4	38.0%	19.9%
HSG	Thép	7.0	2.0%	1.5	129	1.4	425	16.5	0.6	17.7%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	127.0	-0.8%	0.8	9,615	11.4	5,465	23.2	7.8	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	264.9	1.1%	0.8	7,386	0.1	6,735	39.3	9.7	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	77.0	-2.3%	1.2	3,913	2.4	3,304	23.3	2.9	40.3%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	17.9	0.3%	0.5	408	0.9	542	32.9	1.6	6.0%	4.9%
ACV	Vận tải	76.5	0.5%	0.8	7,241	0.1	2,630	29.1	5.4	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	137.6	0.1%	1.1	3,134	2.4	9,850	14.0	5.3	19.9%	43.3%
HVN	Vận tải	33.2	-1.3%	1.7	2,044	0.5	1,747	19.0	2.6	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	27.4	-0.4%	0.8	354	0.5	1,888	14.5	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.0	0.0%	0.6	208	0.5	2,435	7.0	1.2	30.7%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	108.5	0.1%	0.9	740	1.2	7,667	14.2	5.5	2.1%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.3	-0.3%	0.8	376	0.2	1,327	14.5	1.3	13.5%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.9	-1.3%	0.8	247	0.3	1,657	9.0	1.1	6.3%	11.7%
CTD	Xây dựng	93.0	-1.1%	0.7	308	0.1	13,535	6.9	0.9	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.4	0.0%	1.1	507	0.4	1,352	19.5	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	23.4	-0.6%	0.5	252	0.9	387	60.4	1.2	51.6%	1.9%
POW	Điện	12.8	-0.4%	0.6	1,303	0.5	820	15.6	1.2	14.6%	7.8%
NT2	Điện	24.0	-0.6%	0.6	300	0.5	2,241	10.7	1.7	19.9%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	264.90	1.11	0.55	7540.00
BID	40.20	0.50	0.20	1.51MLN
VPB	22.60	1.12	0.18	6.79MLN
PNJ	80.60	1.38	0.07	459560.00
VCI	36.00	2.86	0.05	116700.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	118.00	-1.58	-1.88	545260.00
VCB	82.00	-1.68	-1.53	1.22MLN
GAS	103.50	-2.54	-1.52	450590.00
MSN	77.00	-2.28	-0.62	700310.00
VNM	127.00	-0.78	-0.51	2.07MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HTL	18.35	7.00	0.00	310.00
TCO	9.42	6.92	0.00	3010.00
CIG	1.88	6.82	0.00	7080.00
FTM	3.63	6.76	0.00	3.27MLN
AGF	3.17	6.73	0.00	30.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CCL	8.65	-6.99	-0.01	520880.00
TPC	9.77	-6.95	-0.01	110.00
TNC	15.65	-6.85	-0.01	2700.00
L10	18.40	-6.84	0.00	30.00
CEE	14.55	-6.73	-0.01	610.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HHC	125.00	2.04	0.02	600.00
INN	34.00	4.62	0.02	300.00
TAR	30.30	4.48	0.02	116900.00
MBG	35.50	2.60	0.02	396300.00
L14	59.20	2.42	0.02	36400.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.60	-0.42	-0.17	2.16MLN
DL1	23.00	-9.80	-0.12	100.00
SHB	6.50	-1.52	-0.11	1.37MLN
PGS	30.00	-5.96	-0.07	2800.00
DNP	14.90	-3.25	-0.03	10500.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

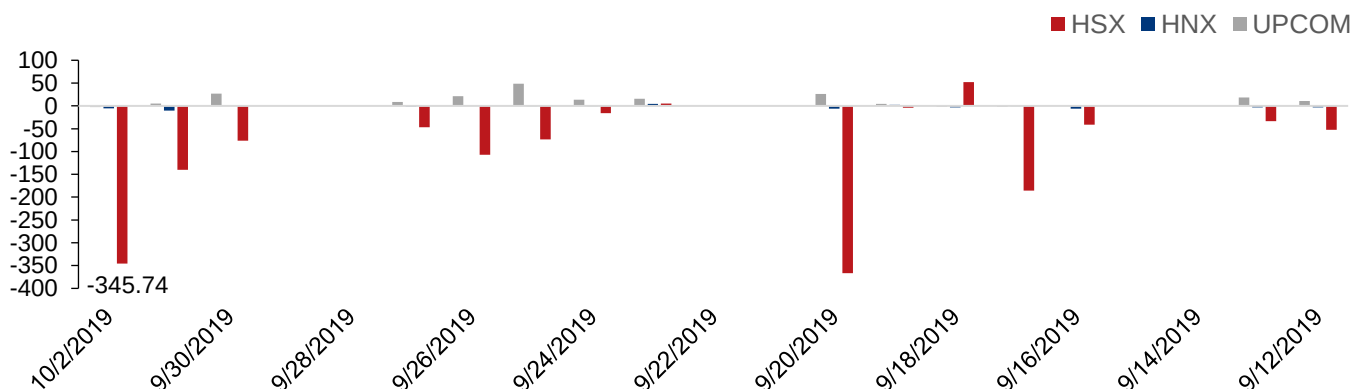
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TFC	5.50	10.0	0.00	100.00
TBX	15.50	9.9	0.00	100.00
TKU	10.10	9.8	0.00	100.00
HTP	4.50	9.8	0.00	100.00
DID	6.10	8.9	0.00	300.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.40	-20.00	0.00	21200.00
HKB	0.80	-11.11	-0.01	219400.00
DNC	21.60	-10.00	0.00	100.00
TMX	12.60	-10.00	0.00	300.00
KHS	12.80	-9.86	-0.01	900.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
2	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
8	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
9	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
10	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
13	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
15	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô_ Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	TRC	Cap su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	38.0	3,672	10.3	0.7	Click
2	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	77.0	3,304	23.3	2.9	Click
3	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	127.0	5,465	23.2	7.8	Click
4	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.5	2,680	8.4	1.6	Click
5	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	38.1	5,261	7.2	1.2	Click
6	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	82.9	18,865	4.4	1.7	Click
7	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	9.6	2,076	4.6	0.6	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	23.6	4,469	5.3	1.2	Click
9	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	15.0	1,098	13.6	1.2	Click
10	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	82.0	4,729	17.3	4.0	Click
11	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	23.1	1,295	17.8	1.8	Click
12	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	23.0	3,215	7.2	1.4	Click
13	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	57.0	2,801	20.3	3.4	Click
14	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	27.4	1,888	14.5	1.3	Click
15	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	29.5	3,705	8.0	2.1	Click
16	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	57.2	4,349	13.2	2.9	Click
17	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	13.8	649	21.3	1.2	Click
18	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	125.2	7,893	15.9	5.3	Click
19	PNJ	Bán lẻ	Mua	9/8/2019	84.8	97.2	80.6	4,727	17.1	4.4	Click
20	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	55.5	5,276	10.5	3.0	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TPB 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 22724 ; Giá tại Publish 21250 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu TPB với giá mục tiêu 22,548 VND/cp với phương pháp P/B = 1.5x sv trung bình ngành hiện tại 1.3x với luận điểm (1) khả năng sinh lời và chất lượng tài sản ở mức trung bình so với ngành ngân hàng hiện tại, (2) định giá tương đương với trung bình toàn ngành, (3) tăng trưởng cho vay mua ô tô ẩn tượng sẽ giúp TPB tăng trưởng trong năm nay. Chúng tôi nâng dự báo TPB trong năm 2019 lên mức TOI và PBT lần lượt đạt mức 6,884 tỷ VND (+22.3% yoy) và 2,959 tỷ VND (+31% yoy) với thay đổi ở giá định (1) tăng trưởng tín dụng ở mức 17% trong năm 2019, (2) NIM được cải thiện lên mức 4.31%, (3) CIR = 45%. EPS 2019 = 2,750 VND/cp, BVPS = 15,150 VND/cp.
PAC 2019Q3	21/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 28500 ; Giá tại Publish 30100 BSC dự báo năm 2019 DTT và LNTT của PAC lần lượt đạt 3,063 tỷ (+3.3% YoY) và 215 tỷ (+10.1% YoY), tương ứng với EPS 2019 đạt 3,701 VND/cp. KQKD 1H.2019 ghi nhận tốc độ tăng trưởng ấn tượng nhờ giá kèm thể giới giảm mạnh khiến chi phí đầu vào giảm. PAC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt là 1,586 tỷ (+2.6% yoy) và 101 tỷ (+38 % yoy). Biên lợi nhuận gộp tăng lên mức 15.2% so với cùng kỳ là 12.7%. Ác quy cho ô tô vẫn chiếm tỷ trọng chính, chiếm 85% tổng doanh thu. Pin chiếm 10% doanh thu, còn lại là các sản phẩm khác. Sản phẩm ác quy chủ yếu vẫn phục vụ cho ô tô tại thị trường nội địa.
MBB 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 138500 ; Giá tại Publish 120600 Chúng tôi điều chỉnh dự báo TOI và PBT của MBB trong năm 2019 lên -1.4%/+3.5% với việc thay đổi quan điểm về tăng trưởng tín dụng (từ 14% lên 17% với ngân hàng mẹ, 37% với M Credit), tỷ lệ casa giảm về mức 34.3%. CIR được giữ ở mức 45%. Khả năng sinh lời được giữ ở mức cao so với toàn ngành. (1) Thu nhập lãi thuần đạt mức 4,395 tỷ VND (+25.4% yoy), (2) Thu nhập ngoài lãi tăng trưởng mạnh mẽ từ thu phí dịch vụ (+59% yoy). Chất lượng tài sản ở mức tốt, tuy nhiên việc nới lỏng cho vay của M Credit có thể ảnh hưởng đến kết quả chung của MBB. NPL ngân hàng hợp nhất = 1.18%, trong đó NH mẹ = 1.08%, M Credit = 11%. Tỷ lệ bao nợ xấu (LLCR) = 97.6%, cao hơn so với trung bình ngành giúp đảm bảo hoạt động của ngân hàng.
DBD 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 47400 Năm 2019, DBD kỳ vọng doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 1,500 tỷ (+1.8% YoY) và 200 tỷ (-0.4% YoY), tương ứng với EPS 2019 là 3,055 VND/cp. Động lực tăng trưởng sẽ đến từ các dự án xây dựng nhà máy mới. Trong giai đoạn 2019 – 2027, công ty có kế hoạch đầu tư xây dựng 3 dự án nhà máy mới, nâng tổng số nhà máy sản xuất được lên 4 nhà máy. Hiện tại, dự án NM DX DP Bidiphar CNC đã hoàn thiện phần xây dựng cơ bản. Công ty sẽ tiến hành lắp đặt máy móc để có thể tiến hành nghiệm thu trong Q4.2019 như kế hoạch đề ra. DBD dự kiến công suất năm đầu tiên của NM đạt 500,000 lọ/năm (~ 100 tỷ DT) và nâng lên 1,800,000 lọ/năm (~300 tỷ năm) trong năm thứ 5.
VCB 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu N/A ; Giá tại Publish 81900 Chúng tôi điều chỉnh dự báo của VCB lần lượt TOI và PBT trong năm 2019 +0.6%/+8.8% với việc thay đổi giả định về CIR = 36% (sv 41% với dự báo trước). Trong 1H2019, VCB đã ghi nhận TOI = 17,078 tỷ VND (+31.4% yoy), PBT = 11,303 tỷ VND (+41% yoy). Thu nhập lãi thuần trong 1H2019 +31.4% yoy nhờ việc cơ cấu các khoản cho vay: (1) Tăng trưởng tín dụng +9.7% ytd, (2) NIM = 3.27%. Thu nhập ngoài lãi -3.1% yoy, kỳ vọng từ mảng bảo hiểm được ký kết độc quyền. Chất lượng tài sản được đánh giá cao. NPL = 1.01%, là ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất ngành nếu xét về quy mô lớn. Tỷ lệ bao nợ xấu (LLCR) = 178%, cao nhất trong hệ thống ngân hàng. LDR và tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn ở mức thấp giúp đảm bảo thanh khoản.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn